

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ DĨ AN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG  
Bản án số: 03/2018/HS-ST  
Ngày 05 - 01 - 2018

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

**- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phan Thị Minh Châu.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Dương Thanh Quý;
2. Bà Nguyễn Thụy Vân Hà.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thụy, là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 373/2017/HSST ngày 30 tháng 11 năm 2017 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 479/2017/HSST-QĐ ngày 25 tháng 12 năm 2017 đối với bị cáo:

Nguyễn Hữu T, sinh năm 1968 tại Thành phố Hồ Chí Minh; thường trú: 220/9Y/73B, Phường K, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở hiện nay: Khu phố 8, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Bảo vệ; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1935 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1933; bị cáo có vợ tên Đoàn Thị Kim L, sinh năm 1981 và 01 con sinh năm 2013; bị cáo có 06 anh chị em ruột, lớn nhất sinh năm 1956, nhỏ nhất sinh năm 1970; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam ngày 04/8/2017, có mặt.

**- Người bị hại:** Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1981; thường trú: Thôn S, xã T, huyện C, tỉnh Nghệ An; chỗ ở hiện nay: 79B/21, khu phố N1, phường B, thị xã D, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Chị Đoàn Thị Kim L, sinh năm 1981; thường trú: 220/51H, Phường K, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở hiện nay: Hẻm 11, Đường 38, khu phố 8, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

**- Người làm chứng:**

+ Anh Phạm Thành N, sinh năm 1991; thường trú: 10/28 ấp 3, xã Đ, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở hiện nay: 154 Đường 11, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

+ Anh Lê Trương Hải H, sinh năm 1995; thường trú: 213/74, đường K, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở hiện nay: 154 Đường 11, khu phố 5, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

+ Anh Lê Rin Dũng, sinh năm 1998; thường trú: Thôn N, xã S, huyện H, tỉnh Phú Yên; chỗ ở hiện nay: Hẻm 11, Đường 38, khu phố 1, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 02/8/2017, Nguyễn Hữu T đi từ nhà tại khu phố 8, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh đến Quận K, thành phố Hồ Chí Minh để gặp người thanh niên tên Th (không rõ lai lịch) mua 01 cây đoản, 01 cây tua vít và 01 thanh nam châm từ dùng để mở khóa xe mô tô. Sau khi mua xong, T bỏ vào bịch nilon và cất giấu tại bồn bông ven đường gần cầu T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vào khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày 03/8/2017, T đón xe mô tô chở khách từ ngã tư Hàng Xanh đến bồn bông gần cầu T lấy cây đoản, tua vít và thanh nam châm từ rồi đi đến trạm thu phí H thuộc Quốc lộ 1K, phường Đ, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Tại đây, T trả tiền xe rồi đi bộ đến nhà số 79B/21 khu phố N1, phường B, thị xã D, tỉnh Bình Dương do anh Nguyễn Văn Đ làm chủ. Lúc này khoảng 01 giờ ngày 04/8/2017 trong nhà có đèn sáng, cổng và cửa khép hờ nên T đi vào thấy có xe mô tô hiệu Honda Vision biển số 37E1-345.30. T đi đến đẩy xe đi được khoảng 300m thì dừng lại dùng đoản bẻ khóa xe nhưng mũi đoản bị gãy, T tiếp tục đẩy xe tới trạm thu phí H và dùng điện thoại Nokia 1280, sim số 0901801054 gọi cho vợ là Đoàn Thị Kim L đi đón T nhưng vì có con nhỏ nên chị L kêu Lê Rin D đi đón. D điều khiển xe mô tô FanLim biển số 52H7-1991 đến trạm thi phí H gặp T, T nói D điều khiển xe FanLim biển số 52H7-1991 đẩy T ngồi trên xe mô tô mới trộm được đến cầu vượt X, quận T, thành phố Hồ Chí Minh thì bị cảnh sát cơ động đi tuần tra phát hiện và đưa T về công an phường L để làm việc. Tại công an phường L, T đã thừa nhận hành vi phạm tội nên Công an phường L lập biên bản người phạm tội tự thú và chuyển hồ sơ cho Cơ quan cảnh sát điều tra công an thị xã Dĩ An xử lý.

Tài sản bị chiếm đoạt trong vụ án: 01 Xe mô tô hiệu Honda Vision màu trắng biển số 37E1-345.30, người bị hại anh Nguyễn Văn Đ đã nhận lại xe và không yêu cầu gì khác.

Theo kết luận định giá số 210/BB.ĐG ngày 28/8/2017 của Hội đồng định giá thị xã Dĩ An kết luận: 01 xe mô tô hiệu Honda Vision màu trắng biển số 37E1-345.30 có giá trị 20.000.000 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận định giá số 210/BB.ĐG ngày 28/8/2017 của Hội đồng định giá thị xã Dĩ An nêu trên.

Đối với chị Đoàn Thị Kim L và anh Lê Rin D không biết việc T trộm cắp xe mô tô hiệu Honda Vision biển số 37E1-345.30 nên Cơ quan cảnh sát điều tra công an thị xã Dĩ An không đề nghị xử lý.

Đối với xe mô tô hiệu FanLim biển số 52H7-1991 chị Đoàn Thị Kim L là chủ sở hữu, chị L không liên quan gì đến việc Nguyễn Hữu T Phạm tội nên Cơ quan cảnh sát điều tra công an thị xã Dĩ An đã trả lại xe cho chị L.

Đối với người thanh niên tên Th đã bán 01 tua vít, 01 cây đoản, 01 thanh nam châm từ cho T do chưa rõ nhân thân, lai lịch nên Cơ quan cảnh sát điều tra công an thị xã Dĩ An tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau.

Tại cáo trạng số 357/QĐ - KSĐT ngày 28 tháng 11 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Nguyễn Hữu T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, o, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo mức án từ 08 tháng đến 10 tháng tù.

Về vật chứng thu giữ trong vụ án:

Đề nghị trả cho bị cáo 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1280 số IMEI 355862016115846 có sim điện thoại số 0901801054 do điện thoại này bị cáo không dùng vào việc phạm tội.

Đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 cây đoản hình chữ T mũi đoản bị gãy; 01 cây tua vít dài 20cm cán bằng nhựa màu vàng; 01 thỏi nam châm từ dùng để mở khóa từ.

Tại phiên tòa, bị cáo xin được Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Dĩ An, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng cũng không khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Bị cáo Nguyễn Hữu T đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản là xe mô tô hiệu Honda Vision màu trắng biển số kiểm soát 37E1-345.30 của người bị hại anh Nguyễn Văn Đ. Theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự thì “Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm”. Như vậy, hành vi trên đây của bị cáo đã chiếm đoạt tài sản của người bị hại có giá trị 20.000.000 đồng đã đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản. Cáo trạng số 357/QĐ - KSĐT ngày 28 tháng 11 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An và luận tội của Kiểm sát viên truy tố đối với bị cáo là có căn cứ đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Tính chất, mức độ của hành vi: Tội phạm do bị cáo thực hiện tuy là ít nghiêm trọng nhưng đã trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người bị hại, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người bị hại là vi phạm pháp luật, nhưng vì tham lam tư lợi mong muốn có tiền để tiêu xài nên đã cố tình thực hiện. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo với mức án tương xứng với tính chất, mức độ tội phạm đã thực hiện, có xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo đủ để giáo dục, cải tạo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo được xem xét khi quyết định hình phạt: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo; ăn năn hối cải; tài sản chiếm đoạt đã thu hồi trả lại cho người bị hại; bị cáo tự thú. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm g, o, p khoản 1, Điều 46 Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử sẽ xem xét để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội.

[6] Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu, tháng 9/1987 bị Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 09 tháng tù về Tội trộm cắp tài sản của công dân; Ngày 26/8/1989 bị Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 24 tháng tù về Tội trộm cắp tài sản của công dân; Ngày 20/11/1992 bị Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 04 năm tù về Tội trộm cắp tài sản của công dân; Ngày 11/10/1995 bị Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 04 năm tù về Tội trộm cắp tài sản của công dân; Ngày 17/02/2000 bị Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 06 năm tù về Tội trộm cắp tài sản của công dân; Ngày 23/6/2006 bị Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 06 năm tù về Tội trộm cắp tài sản. Mặc dù đã

được xóa án tích nhưng bị cáo không tu dưỡng bản thân trở thành người lương thiện mà lại tiếp tục phạm tội, thể hiện ý thức xem thường pháp luật.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Nguyễn Văn Đ đã nhận lại tài sản, hiện anh Đông không còn yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Đối với chị Đoàn Thị Kim L và anh Lê Rin D không biết việc bị cáo T trộm cắp xe mô tô biển số 37E1-345.30 nên Cơ quan cảnh sát điều tra công an thị xã Dĩ An không đề nghị xử lý là đúng quy định.

[9] Đối với xe mô tô hiệu FanLim biển số 52H7-1991 do chị Đoàn Thị Kim L là chủ sở hữu, chị L không liên quan gì đến việc bị cáo Nguyễn Hữu T phạm tội nên Cơ quan cảnh sát điều tra công an thị xã Dĩ An đã trả lại xe cho chị L là phù hợp.

[10] Đối với người thanh niên tên Th đã bán 01 tua vít, 01 cây đoản, 01 thanh nam châm từ cho bị cáo T do chưa rõ nhân thân, lai lịch nên Cơ quan cảnh sát điều tra công an thị xã Dĩ An tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau.

[10] Đối với 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1280, số IMEI 355862016115846 có sim điện thoại số 0901801054, điện thoại này là tài sản cá nhân của bị cáo, bị cáo không dùng vào việc phạm tội, nên cần trả lại cho bị cáo.

[11] Đối với 01 cây đoản hình chữ T mũi đoản bị gãy; 01 cây tua vít dài 20cm cán bằng nhựa màu vàng; 01 thỏi nam châm từ dùng để mở khóa từ là những công cụ bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[12] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[13] Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải nộp theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu T phạm tội Trộm cắp tài sản.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, o, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu T 09 (chín ) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 04/8/2017.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tuyên trả cho bị cáo 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1280 số IMEI 355862016115846 kèm theo sim điện thoại số 0901801054.

Tuyên tịch thu tiêu hủy 01 cây đoản hình chữ T mũi đoản bị gãy; 01 cây tua vít dài 20cm cán bằng nhựa màu vàng; 01 thỏi nam châm từ dùng để mở khóa từ. Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 07/12/2017.

3. Án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Hữu T phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- VKSND thị xã Dĩ An;
- Công an thị xã Dĩ An;
- Trại tạm giam CA tỉnh BD;
- Chi cục THA thị xã Dĩ An;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- UBND phường 21, quận Bình Thạnh;
- Bị cáo.
- Phòng PV 27 CA tỉnh BD;
- Phòng BC 81 CA tỉnh BD;
- Lưu VT; HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(đã ký)

**Phan Thị Minh Châu**